TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/DS-ST
Ngày: 19.9.2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH,TỈNH TÂY NINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trấn Phát
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phú

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1966; địa chỉ: Lô 2, tổ 2, ấp CX, xã ĐK, huyện CT, tỉnh Tây Ninh

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tá T, sinh năm 1977, bà Lê Thị Ng, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 174, đường 30/4, khu phố 4, phường 3, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 76, đường Phạm Tung, khu phố 1, phường 3, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh là luật sư thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bp thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Vào ngày 02.4.2017 ông T bà Ng bán cho bà Phạm Thị N ở phường 3, tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh 01 xe ô tô khách 29 chỗ, khi bà N mua xe xong thì bà N lấy xe, bà Ng, ông T không cho lấy nói để lại cho bà Ng thuê, sau đó bà N đòi lại tiền bà Ng, thì từ đó bà Ng, bà N đến nhà bà năn nỉ bà mua lại xe với giá là 1.100.000.000 đồng, bà và bà Ng, ông T thỏa thuận bà đưa cho bà Ng số tiền 600.000.000 đồng, do xe này bà Ng mua trả góp còn nợ Ngân hàng 500.000.000 đồng nên bà tiếp tục góp, bà cho bà Ng ông T thuê xe lại để sử dụng giá 25.000.000 đồng/ tháng, mỗi ngày bà Ng đưa cho bà 500.000 đồng giữ lại 500.000 đồng để đến tháng đóng tiền ngân hàng. Ngày 01.6.2017 bà và bà Ng ra UBND phường 3 chứng hợp đồng mua bán và làm hợp đồng thuê xe. Do góp như vậy bà thấy phiền nên 20.6.2017, bà nói với bà Ng, ông T trừ tiền trước đó bà Ng, ông T vay bà số tiền 300.000.000 đồng và bà Phạm Thị N trả cho bà 100.000.000 đồng bà đưa thêm cho bà Ng, ông T 100.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 đồng là bà đã đưa đủ tiền mua xe, bà Ng ông T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Cùng ngày 20.6.2017 bà và ông T bà Ng ra UBND phường 3, tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh chứng lại hợp đồng mua bán 01 xe ô tô khách 29 chỗ, số tiền 1.100.000.000 đồng, bà đã đưa đủ tiền cho ông T bà Ng và cho bà Ng ông T thuê trong thời hạn 3 năm đến ngày 20.6.2020 ông T, bà Ng có trách nhiệm sang tên xe lại cho bà.

Ngoài ra ngày 20.8.2017 ông T, bà Ng vay bà số tiền 150.000.000 đồng, ngày 22.8.2017 vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng; bà Ng đóng lãi đến cuối tháng 12 được 4 tháng số tiền 12.800.000 đồng; ngày 20.12.2017 vay thêm số tiền 190.000.000 đồng lãi suất 2%/ tháng chưa trả tiền lãi, tổng cộng là 350.000.000 đồng. Đối với tiền thuê xe bà Ng, ông T trả cho bà đến tháng 12.2017 được 3 tháng tiền thuê xe 75.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Hiện nay bà Ng, ông T nói với bà xe đã bán cho người khác nên bà yêu cầu ông T, bà Ng trả số tiền 1.100.00.000 đồng giá trị của chiếc xe bà đã mua của ông T, bà Ng, tiền vay là 350.000.000 đồng, tiền thuê xe 75.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07.02.2023 cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện bà yêu cầu ông T, bà Ng trả số tiền 1.100.00.000 đồng giá trị của chiếc xe, tiền vay 350.000.000 đồng không tính lãi suất, tổng cộng 1.450.000.000 đồng. Bà không yêu cầu bà Ng ông T trả số tiền thuê xe 75.000.000 đồng. Đối với số tiền thuê xe 75.000.000 đồng bà đã nhận của bà Ng ông T bà yêu cầu tính vào tiền lãi của số tiền 1.100.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Tá T, bà Lê Thị Ng trình bày:

Năm 2014 ông bà có vay góp Ngân hàng Thịnh Vượng mua 01 xe ô tô khách 29 chỗ, số tiền 1.400.000.000 đồng, biển số 51B -10336 do bà Ng đứng tên, giấy xe Ngân hàng giữ. Đến năm 2017 ông bà không có khả năng trả Ngân hàng thì ông bà bán xe lại cho bà Phạm Thị N số tiền 1.100.00.000 đồng, tại thời điểm này ông bà

còn nợ Ngân hàng 650.000.000 đồng, bà N đưa cho ông bà số tiền 450.000.000 đồng, còn 650.000.000 đồng bà N có trách nhiệm góp Ngân hàng, ông bà và bà N có làm giấy tay, tuy nhiên bà N đưa cho ông bà số tiền 200.000.000 đồng còn lại 250.000.000 đồng bà N không có tiền trả, nên bà N kêu ông bà trả lại cho bà N 200.000.000 đồng. Do ông bà không có tiền trả lại cho bà N, bà N đến nhà ông bà quậy, nên ông bà cùng với bà N đến nhà bà D kêu bà D mua xe giá 1.100.000.000 đồng, bà D trừ tiền bà N 150.000.000 đồng, do ông bà sợ bà N quậy nên làm giấy bán xe cho bà D, để bà D trả tiền cho bà N dùm, sau đó ông bà và bà D đến UBND phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh chứng hợp đồng mua bán xe và làm hợp đồng thuê xe, do xe ông bà còn đứng tên đang thế chấp Ngân hàng. Ngày 10.11.2016 ông bà vay bà D số tiền 100.000.000 đồng, ngày 26.3.2017 ông bà vay bà D số tiền 200.000.000 đồng, ông bà đã trả rồi nhưng bà D không trả lại giấy nợ gốc.

Ngày 20.8.2017 ông bà vay của bà D số tiền 150.000.000 đồng, ngày 22.8.2017 vay số tiền 10.000.000 đồng lãi suất 5%/ tháng; ông bà đóng lãi đến cuối tháng 12 là 4 tháng; ngày 20.12.2017 bà D kêu ông bà viết giấy nợ lại số tiền 190.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc 160.000.000 đồng, có tiền lãi 30.000.000 đồng), nhưng bà D không trả lại cho ông bà giấy nợ gốc 160.000.000 đồng, ông bà có trả góp cho bà D nhiều lần có cuốn sổ góp nhưng bà D mượn lại xé hết, hiện tại ông bà còn nợ 70.000.000 đồng. Ông bà có trả tiền thuê xe cho bà D hơn 3 tháng 75.000.000 đồng, góp mỗi ngày số tiền 1.000.000 đồng, đến nay không góp nữa, do nợ xấu ở Ngân hàng nên ông bà bán xe trên cho người khác để lấy tiền trả Ngân hàng và ông bà đã thanh toán tiền cho Ngân hàng xong, không còn sử dụng xe nên không có tiền trả tiền thuê xe.

Ông bà thừa nhận có ra UBND phường 3, thành phố Tây Ninh chứng hợp đồng mua xe lần 1 ngày 01.6.2017 ông bà và bà D ra UBND phường 3 chứng hợp đồng mua bán xe; lần 2 ngày 20.6.2017 ông bà và bà D ra UBND phường 3 chứng hợp đồng mua bán xe và hợp đồng cho thuê xe, hủy bỏ hợp đồng ngày 01.6.2017. Nay ông bà đồng ý trả cho bà D số tiền 70.000.000 đồng.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn*

Giấy mua bán xe là giả cách yêu cầu tuyên bố giấy mua bán xe và hợp đồng thuê xe vô hiệu, số tiền 75.000.000 đồng thuê xe khấu trừ vào nợ gốc.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

+Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+Về nội dung: Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 117,122,124,131,430,472 Điều 463,466,468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí; Tuyên hợp đồng mua bán và hợp đồng thuê xe ô tô biển số 51B - 103.36 ngày 20.6.2017 giữa bà D và bà Nguyên, ông T vô hiệu. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D, buộc ông T bà Ng trả số tiền 1.100.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cùa bà Trần Thị D buộc bà D ông T trả tiền vay là 350.000.000 đồng, ghi nhận bà D không yêu cầu tính lãi suất tiền vay. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà D đối với số tiền trị giá xe đã thanh toán. Đình chỉ đối với yêu cầu đòi tiền thuê xe và yêu cầu tính lãi suất của bà D đối với giá trị xe đã thanh toán. Buộc bà D trả cho ông T, bà Ng số tiền thuê xe 75.000.000 đồng. Do hiện tại xe ô tô biển số 51B - 103.36 ông T bà Ng đã bán cho người khác và không xác định được họ tên địa chỉ cụ thể của người mua xe sau cùng, đồng thời các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết đối với chiếc xe.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa sơ thẩm những người được Tòa án triệu tập đã có mặt đầy đủ, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự

[2] Về nội dung: Trong đơn khởi kiện bà D yêu cầu ông T, bà Ng trả số tiền 1.100.00.000 đồng giá trị của chiếc xe bà đã mua của ông T, bà Ng, tiền vay là 350.000.000 đồng, tiền thuê xe 75.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện bà yêu cầu ông T, bà Ng trả số tiền 1.100.00.000 đồng giá trị của chiếc xe, tiền vay 350.000.000 đồng, tổng cộng 1.450.000.000 đồng, không tính lãi suất. Bà không yêu cầu bà Ng ông T trả tiền thuê xe 75.000.000 đồng. Đối với số tiền thuê xe 75.000.000 đồng bà đã nhận của bà Ng ông T bà yêu cầu tính vào tiền lãi của số tiền 1.100.000.000 đồng.

[3] Bà Ng, ông T cho rằng do nợ bà N số tiền 150.000.000 đồng không có tiền trả, nên bán xe cho bà D số tiền 1.100.000.000 đồng, bà D trả cho bà N số tiền 150.000.000đồng, ông bà làm giấy bán xe ô tô khách cho bà D và làm hợp đồng thuê lại xe của bà D thực tế ông, bà nhận của bà D số tiền 150.000.000đồng, không có nhận đủ số tiền 1.100.000.000 đồng của bà D là không có căn cứ; Bởi lẽ ngày 24.7.2017 ông T, bà Ng có ghi giấy xác nhận chị D đã trả đủ tiền mua xe 29 chỗ,

51B- 103.36 và ông T bà Ng cũng thừa nhận thuê lại xe của bà D và đã trả tiền thuê xe được 3 tháng số tiền 75.000.000 đồng, do đó ông T, bà Ng có bán xe ô tô khách 29 chỗ, 51B - 103.36 và làm hợp đồng thuê lại xe của bà D là có thật.

[4] Xét thấy tại thời điểm hai bên mua bán xe thì giấy chiếc xe đang thế chấp Ngân hàng do bà Ng ông T vay góp chưa trả hết tiền, bà D cũng biết nhưng các bên vẫn thực hiện việc mua bán mà không được sự đồng ý của ngân hàng là vi phạm điều cấm của luật quy định tại khoản 8 Điều 320 của bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ của bên thế chấp " không được bán, thay thế trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp …". Do đó, cần tuyên bố giấy mua bán xe ngày 20.6.2017 giữa bà D với ông T, bà Ng vô hiệu, xét về lỗi thì do lỗi của hai bên do đó hai bên phải trả lại cho nhau những gì đã nhận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do giấy mua bán xe vô hiệu nên dẫn đến hợp đồng thuê xe cũng vô hiệu. Ông T bà Ng phải trả cho bà D số tiền mua bán xe 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng), bà D trả lại cho ông T bà Ng số tiền thuê xe 75.000.000 đồng. Do hiện tại xe ô tô biển số 51B - 103.36 ông T bà Ng đã bán cho người khác và không xác định được họ tên địa chỉ cụ thể của người mua xe sau cùng, đồng thời các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với chiếc xe.

Đối với số tiền vay 160.000.000 đồng bà Ng, ông T cho rằng lãi suất 5% đã đóng lãi 3 tháng, ngày 20.12.2017 bà D kêu ông bà viết lại giấy nợ 190.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 160.000.000 đồng, tiền lãi 30.000.000 đồng) nhưng bà D không trả lại giấy nợ gốc 160.000.000 đồng, ông bà đã trả góp cho bà D nhiều lần có cuốn sổ góp nhưng bà D mượn lại xé hết. Hiện ông bà còn nợ bà D số tiền 70.000.000 đồng, nhưng ông bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đối với số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 10.11.2016 và số tiền 200.000.000 đồng vay ngày 26.3.2017 ông bà vay của bà D, ông bà đã trả rồi nhưng bà D không trả lại giấy nợ gốc, ông T bà Ng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, bà D cho rằng đã trừ hai khoản tiền vay trên vào tiền mua xe là có căn cứ.

Bà D xác định có nhận tiền lãi suất của số tiền 160.000.000 đồng là 12.800.000 đồng, còn số tiền 190.000.000 đồng bà D chưa nhận tiền lãi.Tại phiên tòa bà D yêu cầu ông T và bà Ng trả số tiền gốc của hai lần vay là 350.000.000 đồng. Đối với tiền lãi suất 12.800.000 đồng bà D đã nhận nếu tính theo quy định của pháp luật thì số tiền lãi không vượt mức cho phép nên chấp nhận.

Đối với số tiền thuê xe 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) bà D đã nhận của bà Ng, ông T, bà D yêu cầu tính vào tiền lãi của số tiền 1.100.000.000 đồng, thì thấy rằng hợp đồng mua bán xe vô hiệu nên các bên trả lại cho nhau những gì đã nhận. Do đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D. Tuyên bố giấy bán xe ô tô khách lập ngày 20.6.2017 và Hợp đồng thuê xe ô tô lập ngày 20.6.2017 giữa bà Trần Thị D với ông Nguyễn Tá T và bà Lê Thị Ng vô hiệu, buộc

ông Nguyễn Tá T và bà Lê Thị Ng trả cho bà D số tiền giá trị chiếc xe 1.100.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc ông Nguyễn Tá T và bà Lê Thị Ng trả cho bà D số tiền vay gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Ghi nhận bà D không yêu cầu tính lãi suất. Bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tá T và bà Lê Thị Ng số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà D đối với số tiền thuê xe 75.000.000 đồng bà D đã nhận, khấu trừ vào tiền lãi của số tiền 1.100.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với số tiền thuê xe 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

[5] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng giấy mua bán xe là giả cách yêu cầu tuyên bố giấy mua bán xe và hợp đồng thuê xe vô hiệu, số tiền 75.000.000 đồng thuê xe khấu trừ vào nợ gốc là không có căn cứ. Bởi lẽ sau khi hai bên làm giấy mua bán xe bà Ng, ông T có ghi giấy xác nhận đã nhận đủ tiền bán xe, do tại thời điểm hai bên mua bán xe giấy xe thế chấp ngân hàng nên bị vô hiệu, dẫn đến hợp đồng thuê xe vô hiệu do đó các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 117,122,124,131,430, 472 Điều 463,466,468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với ông Nguyễn Tá T và bà Lê Thị Ng

Tuyên bố giấy bán xe ô tô khách lập ngày 20.6.2017 và Hợp đồng thuê xe ô tô lập ngày 20.6.2017 giữa bà Trần Thị D với ông Nguyễn Tá T và bà Lê Thị Ng vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Tá T và bà Lê Thị Ng có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị D số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng).

Bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tá T và bà Lê Thị Ng số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị D đối với ông Nguyễn Tá T và bà Lê Thị Ng.

Buộc ông Nguyễn Tá T và bà Lê Thị Ng trả cho bà Trần Thị D số tiền vay gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Ghi nhận bà D không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với số tiền thuê xe 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Tá T và bà Lê Thị Ng phải chịu 56.100.000 đồng (năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

- Bà Trần Thị D phải chịu 3.750.000 đồng (ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.800.000 đồng (mười triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001736 ngày 07.02.2023 của chi cục thi hành án Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; hoàn trả lại cho bà D số tiền 7.050.000 đồng (bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đả ký)

Nguyễn Thị Minh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- THADS TP TN;
- Các đương sự;
- Lưu : Tập án , H/s.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Linh – Hoàng Đình Ngân **Nguyễn Thị Minh Bình**